

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2018
V/v: Tranh chấp về nuôi con, chia tài
sản khi hủy việc kết hôn trái pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đình Thị Thanh Hải
2. Ông Nguyễn Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà PH Thị Minh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 30-5-2018 về “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T - Sinh năm 1975
Địa chỉ: Tổ 44, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H - Sinh ngày 04-01-1975
Địa chỉ: Tổ 44, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-5-2018; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn H ngày 18-10-1993, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự

do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Anh H sinh năm 1975 nhưng tại thời điểm kết hôn vào năm 1993, anh H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã khai với chính quyền địa phương nơi đăng ký kết hôn là sinh năm 1972. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9-2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên đánh đập chị. Anh chị và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 9-2017 đến nay không còn quan T đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 15-11-1994 và cháu Trần Khánh T sinh ngày 01-4-2008. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Khánh T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T. Cháu Trần Quốc Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị T yêu cầu chia tài sản chung là 01 ngôi nhà ba tầng xây từ năm 2007 trên đất của bố, mẹ anh H tại tổ 44, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có trị giá 600.000.000 đồng.

Ngày 08-6-2018, trước khi Tòa án tiến hành phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Chị T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vì chị và anh H tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn H trình bày:

Anh H xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T khai là đúng. Anh sinh ngày 04-01-1975 nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn là năm 1993, anh chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã khai với chính quyền địa phương nơi đăng ký kết hôn là sinh năm 1972. Sau khi kết hôn, anh và chị T chung sống đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị T bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xảy ra cãi nhau. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 9-2017 đến nay, không còn quan T đến nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý vì anh xác định tình cảm với chị T không còn.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 con chung như chị T đã trình bày. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Khánh T. Anh

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Trần Quốc Đ đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh và chị T đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử; Thư ký tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 5, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh H.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Khánh T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thu.

+ Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Văn H kết hôn ngày 18-10-1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn.

Về điều kiện kết hôn: Anh Trần Văn H trình bày anh sinh ngày 04-01-1975. Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đều thể hiện anh Trần Văn H sinh năm 1975. (Giấy khai sinh ghi anh H sinh ngày 04-01-1975). Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo luật định, nên việc kết hôn của chị T và anh H đã vi phạm

điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa hai người xảy ra mâu thuẫn nên chị T xin ly hôn. Do quan hệ hôn nhân của chị T và anh H xác lập vào năm 1993, trước thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, để giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Văn H.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 15-11-1994 và cháu Trần Khánh T sinh ngày 01-4-2008. Cháu Đ đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H và chị T thỏa thuận để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Khánh T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị T và anh H là tự nguyện và phù hợp với thực tế, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung. Vì các đương sự đã thống nhất tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc rút một phần yêu cầu của chị T là tự nguyện, nên cần được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Văn H. Chị T và anh H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Khánh T, sinh ngày 01-4-2008 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài chung giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Văn H.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000539 ngày 30-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị T được hoàn lại 7.500.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Tp. Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp. Yên Bái;
- UBND phường H, Tp. Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương